**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN THANH TRÌ**

# KẾT QUẢ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP HUYỆN
## MÔN VẬT LÝ 9
### Năm học : 2020-2021

| STT | SBD | Họ và tên | | Ngày sinh | Lớp | Trường | Môn | Điểm | Xếp giải | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | L23 | Nguyễn Viết | Lân | 8/4/2006 | 9D | Đại Áng | Vật lí | 18.5 | ***Nhất*** | Đi học tiếp |
| 2 | L37 | Nguyễn Xuân | Sơn | 19/10/2006 | 9D | Đại Áng | Vật lí | 17.5 | ***Nhất*** | Đi học tiếp |
| 3 | L27 | Thạch Quang | Minh | 25/09/2006 | 9A1 | Liên Ninh | Vật lí | 16.5 | Nhì | Đi học tiếp |
| 4 | L30 | Phạm Quang | Minh | 22/2/2006 | 9A2 | Chu Văn An | Vật lí | 16 | Nhì | Đi học tiếp |
| 5 | L47 | Phan Minh | Tuệ | 7/11/2006 | 9A3 | Chu Văn An | Vật lý | 16 | Nhì | Đi học tiếp |
| 6 | L29 | Trần Bình | Minh | 19/11/2006 | 9A3 | Thanh Liệt | Vật lí | 15.5 | Nhì | Đi học tiếp |
| 7 | L35 | Phạm Anh | Quân | 07/07/2006 | 9A1 | Liên Ninh | Vật lí | 15.5 | Nhì | Đi học tiếp |
| 8 | L46 | Lương Minh | Tuấn | 08/04/2006 | 9A1 | Liên Ninh | Vật lý | 15.5 | Nhì | Đi học tiếp |
| 9 | L50 | Hoàng Khánh | Vy | 22/1/2006 | 9A3 | Chu Văn An | Vật lý | 15.5 | Nhì | Đi học tiếp |
| 10 | L40 | Nguyễn Minh | Thanh | 12/4/2006 | 9A | Đông Mỹ | Vật lí | 15.5 | Nhì | Đi học tiếp |
| 11 | L16 | Trần Nguyễn Phương | Hà | 6/10/2006 | 9B | Yên Mỹ | Vật lí | 15 | Nhì | |
| 12 | L32 | Nguyễn Minh | Nhật | 25/4/2006 | 9A1 | Chu Văn An | Vật lí | 14 | *Ba* | |
| 13 | L49 | Nguyễn Quang | Vũ | 25/8/2006 | 9A2 | Chu Văn An | Vật lý | 14 | *Ba* | |
| 14 | L14 | Trần Hương | Giang | 03/01/2006 | 9A1 | TT Văn Điển | Vật lí | 13.5 | *Ba* | |
| 15 | L20 | Lê Mạnh | Khang | 19/10/2006 | 9A | Vạn Phúc | Vật lí | 13.5 | *Ba* | |
| 16 | L22 | Dương Nhật | Lâm | 10/04/2006 | 9A3 | Thanh Liệt | Vật lí | 13 | *Ba* | |
| 17 | L45 | Trịnh Tiến | Trường | 13/09/2006 | 9A3 | Chu Văn An | Vật lý | 13 | *Ba* | |
| 18 | L02 | Nguyễn Mai | Anh | 28/04/2006 | 9A | Vạn Phúc | Vật lí | 12.5 | *Ba* | |
| 19 | L17 | Trần Minh | Hải | 15/06/2006 | 9A4 | Ngũ Hiệp | Vật lí | 12.5 | *Ba* | |
| 20 | L18 | Nguyễn Thế Nguyên | Hạo | 24/11/2006 | 9E | Đại Áng | Vật lí | 12.5 | *Ba* | |
| 21 | L13 | Hoàng Quang | Dương | 8/10/2006 | 9A1 | Tả Thanh Oai | Vật lí | 12 | *Ba* | |
| 22 | L31 | Trần Thiên Thể | Ngọc | 28/07/2006 | 9A1 | Ngũ Hiệp | Vật lí | 12 | *Ba* | |
| 23 | L04 | Phùng Minh | Ánh | 03/11/2006 | 9A3 | Liên Ninh | Vật lí | 10.5 | KK | |
| 24 | L19 | Trương Tuấn | Huy | 19/08/2006 | 9A1 | Thanh Liệt | Vật lí | 10.5 | KK | |
| 25 | L26 | Kim Nhật | Minh | 2/7/2006 | 9A1 | Ngọc Hồi | Vật lí | 10.5 | KK | |
| 26 | L43 | Lê Xuân | Trình | 26/08/2006 | 9B | Vạn Phúc | Vật lí | 10.5 | KK | |
| 27 | L48 | Trần Huy | Tùng | 17/01/2006 | 9A1 | TT Văn Điển | Vật lý | 10.5 | KK | |
| 28 | L07 | Nguyễn Ngọc | Bảo | 09/08/2006 | 9A5 | Liên Ninh | Vật lí | 10 | KK | |
| 29 | L34 | Vũ Minh | Quân | 21/03/2006 | 9D | Đại Áng | Vật lí | 10 | KK | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 30 | L42 | Phạm Phương | Thảo | 30/10/2006 | 9A1 | Liên Ninh | Vật lí | 10 | KK | |
| 31 | L24 | Nguyễn Thành | Linh | 28/10/2006 | 9B | Đông Mỹ | Vật lí | 9.5 | KK | |
| 32 | L36 | Nguyễn Thúy | Quỳnh | 8/7/2006 | 9D | Đại Áng | Vật lí | 9.5 | KK | |
| 33 | L01 | Nguyễn Phương | Anh | 12/8/2006 | 9C | Vạn Phúc | Vật lí | 8.5 | KK | |
| 34 | L38 | Trần Đại | Sơn | 4/12/2006 | 9A | Đông Mỹ | Vật lí | 8.5 | KK | |
| 35 | L51 | Lê Hải | Yến | 3/3/2006 | 9A1 | Hữu Hòa | Vật lý | 8 | KK | |
| 36 | L03 | Lê Hải | Anh | 07/09/2006 | 9A1 | Ngũ Hiệp | Vật lí | 8 | KK | |
| 37 | L11 | Nguyễn Thanh | Dũng | 04/8/2006 | 9A | Vĩnh Quỳnh | Vật lí | 8 | KK | |
| 38 | L09 | Phí Hải | Đăng | 14/06/2006 | 9A1 | Ngũ Hiệp | Vật lí | 7 | | |
| 39 | L10 | Đặng Anh | Đức | 24/07/2006 | 9A7 | Thanh Liệt | Vật lí | 7 | | |
| 40 | L44 | Nguyễn Đắc | Trọng | 27/07/2006 | 9A2 | Ngũ Hiệp | Vật lý | 7 | | |
| 41 | L21 | Nguyễn Duy | Khiêm | 29/05/2006 | 9A1 | Liên Ninh | Vật lí | 7 | | |
| 42 | L08 | Bùi Quốc | Cường | 26/06/2006 | 9A1 | Tả Thanh Oai | Vật lí | 5.5 | | |
| 43 | L25A | Nguyễn Minh | Hoàng | 11/2/2006 | 9A1 | Thanh Liệt | Vật lí | 5.5 | | |
| 44 | L41 | Nguyễn Tiến | Thành | 19/09/2006 | 9A2 | Thanh Liệt | Vật lí | 5.5 | | |
| 45 | L25 | Phạm Thị Xuân | Mai | 18/3/2006 | 9C | Tứ Hiệp | Vật lí | 5 | | |
| 46 | L28 | Nguyễn Tường | Minh | 16/03/2006 | 9A | Đông Mỹ | Vật lí | 5 | | |
| 47 | L33 | Đỗ Hồng | Phúc | 10/10/2006 | 9A2 | Tân Triều | Vật lí | 5 | | |
| 48 | L12 | Lê Tiến | Dũng | 25/04/2006 | 9A1 | Tam Hiệp | Vật lí | 4.5 | | |
| 49 | L05 | Trần Quang | Bách | 31/12/2006 | 9A1 | Liên Ninh | Vật lí | 4 | | |
| 50 | L06 | Hoàng Trọng | Bằng | 23/10/2006 | 9A1 | Ngọc Hồi | Vật lí | 4 | | |
| 51 | L15 | Nguyễn Minh | Giang | 27/07/2006 | 9A2 | Thanh Liệt | Vật lí | 3 | | |
| 52 | L39 | Nguyễn Minh | Tâm | 19/09/2006 | 9A1 | Tân Triều | Vật lí | 1 | | |

| Xếp giải | Số lượng | Tỉ lệ |
|---|---|---|
| **Tổng số giải:** | **37** | 71.2% |
| Nhất | 2 | |
| Nhì | 9 | |
| Ba | 11 | |
| Khuyến khích | 15 | |

**TRƯỞNG PHÒNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
H. THANH TRÌ - T.P HÀ NỘI

**Nguyễn Thị Tuyết Lê**